Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 04/11/2026 09:13:21

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Căn cứ theo Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026)

.... , ngày .... tháng .... năm .....

CÔNG TRÌNH: Thay thế hệ thống điện Trường mầm non Hồng Châu - Điểm trường Nam Tiến

Loại công trình:	**Công trình dân dụng**
Loại thiết kế:	**Thiết kế 1 bước**
Cấp công trình:	**Cấp III**
Cách thẩm định:	**Tự thẩm định toàn bộ**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**				**419.986.543**	**41.998.654**	**461.985.198**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				415.416.957	41.541.696	456.958.653	
1.1.1	THAY THẾ HỆ THỐNG ĐIỆN (PHÂN HIỆU PHƯƠNG ĐỘ - ĐIỂM TRƯỜNG NAM TIẾN)		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	415.416.957	41.541.696	456.958.653	
1.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công hạng mục xây dựng			Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	4.569.587	456.959	5.026.545	Gxdlt
2	**Chi phí quản lý dự án**	**3,446%**		**(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ**	**14.315.268**		**14.315.268**	**Gqlda**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**42.531.100**	**4.253.110**	**46.784.210**	**Gtv**
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.5 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	6,50%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	27.002.102	2.700.210	29.702.312	
3.2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,508%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.532.382	253.238	2.785.620	
3.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.24 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	12.996.616	1.299.662	14.296.278	
4	**Chi phí khác**				**7.970.000**	**576.000**	**8.546.000**	**Gk**
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,57%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.710.000		1.710.000	
4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,96%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	5.760.000	576.000	6.336.000	
5	**Chi phí dự phòng**						**68.369.324**	**Gdp**
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	13%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ			68.369.324	
	Tổng cộng				**484.802.911**	**46.827.764**	**600.000.000**	**Gxdct**
	Làm tròn						**600.000.000**	
Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng								